

<p>- Nhận xét bài làm của HS.          Câu b) Gọi HSG lên bảng làm ( nếu còn thời gian )  <b>♦ Bài 3 :</b> Tính nhẩm ( theo mẫu )          - Hướng dẫn mẫu: a) <math>200 + 100 = 300</math>                                        b) <math>800 + 200 = 1000</math>          - Yêu cầu HS nối tiếp nhau tính nhẩm trước lớp, mỗi HS chỉ thực hiện một con tính.          - Nhận xét và hỏi: Các số trong bài tập là các số ntn?  <b>4.Củng cố:</b>          -Cho HS nêu lại cách đặt tính và cách tính.  <b>5.Dặn dò :</b>          -Chuẩn bị : Luyện tập.</p>	<p>câu b) 2 HSG lên bảng làm – Cả lớp làm nháp và nhận xét.          3/            - Tính nhẩm, sau đó ghi kết quả nhẩm vào vở.            - Là các số tròn trăm.</p>
--	---

Tuần : 31  
 Ngày 17/4/2017  
**LUYỆN TẬP**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS:

- Biết cách làm tính cộng ( không nhớ ) các số trong phạm vi 1000, cộng có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán về nhiều hơn. Biết chu vi hình tam giác.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000.                      -Gọi HS lên bảng làm bài tập sau:                      Đặt tính và tính:  <math>568 + 421</math> ; <math>781 + 118</math>                      - NX - Chữa bài.</p> <p><b>3.Bài mới :</b>                      *Giới thiệu bài : Luyện tập.                      * Hướng dẫn luyện tập.                      ♦<b>Bài 1:</b> Tính                      - Yêu cầu HS tự làm bài, gọi HS đọc bài trước lớp.                      - Nhận xét.                      ♦<b>Bài 2 : Đặt tính rồi tính</b>                      - Cho HS đọc y/ c BT.                      - Yêu cầu HS tự đặt tính và thực hiện phép tính vào bảng con.                      - Chữa bài, nhận xét .                      ♦<b>Bài 4 :</b>                      - Gọi 1 HS đọc đề bài.                      - Giúp HS phân tích đề toán và vẽ sơ đồ:                      + Con gấu nặng bao nhiêu kg?                      + Con sư tử nặng ntn so với con gấu?( Vì con sư tử nặng hơn con gấu nên đoạn thẳng biểu diễn số cân nặng của sư tử cần vẽ dài hơn đoạn thẳng biểu diễn số cân nặng của gấu).                      + Để tính số cân nặng của sư tử, ta thực hiện phép tính gì?                      - Yêu cầu HS viết lời giải bài toán.                      - Cho HS tự làm bài vào vở.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS làm bài bảng con.</p> <p>- HS nêu cách thực hiện.</p> <p>1/                      - HS làm vào vở – đổi vở kiểm tra chéo.                      - HS nêu kết quả.                      - NX.</p> <p>2/                      - HS nêu y/c BT.                      -HS đặt tính và thực hiện phép tính.                      -HS nêu thực hiện phép tính.</p> <p>4/                      - Con gấu nặng 210 kg, con sư tử nặng hơn con gấu 18 kg. Hỏi con sư tử nặng bao nhiêu kg?</p> <div style="text-align: center;"> <p>210 kg</p> <p>Gấu:  -----  18 kg</p> <p>Sư tử:  ----- </p> <p style="margin-left: 100px;">?kg</p> </div> <p>+ Thực hiện phép cộng: <math>210 + 18</math></p>

<p>- Chấm 5 vở – nhận xét. - GV nhận xét – chốt ý đúng.</p> <p><b>* Bài 5:</b> Thi đua. - Gọi 1 HS đọc đề bài toán. - Hãy nêu cách tính chu vi của hình tam giác?  - Yêu cầu HS nêu độ dài các cạnh của hình tam giác ABC. - Vậy chu vi của hình tam giác ABC là bao nhiêu cm? - HS lên thực hiện BT.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p><b>4.Củng cố:</b> - Nhắc lại nội dung đã học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.</p>	<p>- 1 HS làm bài trên bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> Su tử nặng là: <math>210 + 18 = 228</math> ( kg ) <u>Đáp số:</u> 228 kg.</p> <p>5/ - Tính chu vi hình của tam giác. - Chu vi của một hình tam giác bằng tổng độ dài các cạnh của hình tam giác đó. - Cạnh AB dài 300 cm, cạnh BC dài 400cm, cạnh CA dài 200cm.</p> <p>- 2 HS lên thực hiện BT.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u> Chu vi của hình tam giác ABC : <math>300 + 400 + 200 = 900</math> (cm ) <u>Đáp số:</u> 900 cm</p>
--	--

Tuần : 31  
Ngày 18/4/2017

## PHÉP TRỪ ( KHÔNG NHỚ ) TRONG PHẠM VI 1000

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết cách làm tính trừ ( không nhớ ) các số trong phạm vi 1000, biết trừ nhẩm các số tròn trăm.
- Biết giải bài toán về ít hơn.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Các hình vuông to, nhỏ, hình chữ nhật ( như bài học )
- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

<b>HOẠT ĐỘNG THẦY</b>	<b>HOẠT ĐỘNG TRÒ</b>
-----------------------	----------------------

<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ : Luyện tập.</b></p> <p>- Cho HS làm bảng con: Đặt tính và tính: <math>456 + 124</math> ; <math>673 + 216</math></p> <p>- GV nhận xét</p> <p><b>3. Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b> Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000.</p> <p><b>*Hướng dẫn trừ các số có 3 chữ số (không nhớ)</b></p> <p><b>♦Giới thiệu phép trừ:</b></p> <p>- GV vừa nêu bài toán, vừa gắn hình biểu diễn số như phần bài học trong SGK.</p> <p><u>Bài toán:</u> Có 635 hình vuông, bớt đi 214 hình vuông. Hỏi còn lại bao nhiêu hình vuông?</p> <p>- Muốn biết còn lại bao nhiêu hình vuông, ta làm thế nào?</p> <p>- Nhắc lại bài toán và đánh dấu gạch 214 hình vuông như phần bài học.</p> <p><b>♦Đi tìm kết quả:</b></p> <p>- Yêu cầu HS quan sát hình biểu diễn phép trừ và hỏi:</p> <p>- Phần còn lại có tất cả mấy trăm, mấy chục và mấy hình vuông?</p> <p>- 4 trăm, 2 chục, 1 hình vuông là bao nhiêu hình vuông?</p> <p>- Vậy 635 trừ 214 bằng bao nhiêu?</p> <p><b>♦Đặt tính và thực hiện tính :</b></p> <p>- Nêu yêu cầu : Dựa vào cách đặt tính cộng các số có 3 chữ số, hãy suy nghĩ và tìm cách đặt tính trừ <math>635 - 214</math>.</p> <p>- Nếu HS đặt tính đúng, GV cho HS nêu lại cách đặt tính của mình, sau đó cho 1 số em khác nhắc lại. Nếu HS đặt tính chưa đúng, GV nêu cách đặt tính cho HS cả lớp cùng theo dõi.</p> <p><b>♦Đặt tính :</b></p> <p>- Viết số thứ nhất (635), sau đó xuống dòng viết tiếp số thứ hai (214) sao cho chữ số hàng trăm thẳng cột với chữ số hàng trăm, chữ số hàng chục thẳng cột với chữ số hàng chục, chữ số hàng đơn vị thẳng cột với chữ số hàng đơn vị.</p>	<p>- Hát vui</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>- HS nêu lại cách tính.</p> <p>- Theo dõi và tìm hiểu bài toán.</p> <p>- HS phân tích bài toán.</p> <p>- Ta thực hiện phép trừ <math>635 - 214</math></p> <p>- Còn lại 4 trăm, 2 chục, 1 hình vuông.</p> <p>- Là 421 hình vuông.</p> <p><math>635 - 214 = 421</math></p> <p>- 2 HS lên bảng lớp đặt tính, cả lớp làm bài ra giấy nháp.</p> <p>-Theo dõi GV hướng dẫn và đặt tính theo.</p> <p style="text-align: center;"><math>635</math> - <u>214</u></p>
---	---

<p>Viết dấu trừ vào giữa 2 dòng kẻ, kẻ vạch ngang dưới 2 số.(vừa nêu cách đặt tính, vừa viết phép tính).</p> <p>- Yêu cầu HS dựa vào cách thực hiện tính trừ với các số có 2 chữ số để tìm cách thực hiện phép tính trên. Nếu HS tính đúng, GV cho HS nêu cách thực hiện tính của mình, sau đó yêu cầu HS cả lớp nhắc lại cách tính và thực hiện tính 635 – 214.</p> <p>+ Tổng kết thành quy tắc thực hiện tính trừ và cho HS học thuộc:</p> <p>+Đặt tính : Viết trăm dưới trăm, chục dưới chục, đơn vị dưới đơn vị.</p> <p>+ Tính : Trừ từ phải sang trái, đơn vị trừ đơn vị, chục trừ chục, trăm trừ trăm.</p> <p><b>* Luyện tập, thực hành.</b></p> <p><b>◆Bài 1 : Tính</b></p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.</p> <p>- Cho HS nêu kết quả từng bài – GV ghi bảng.</p> <p>- Nhận xét và chữa bài.</p> <p><b>◆Bài 2 : Đặt tính rồi tính</b></p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Cho HS làm bảng con 1 và 4. (cột 2, 3 HS về tự tìm kết quả)</p> <p>- GV nhận xét – Cho HS nêu lại cách tính và cách đặt tính.</p> <p><b>◆Bài 3 : Tính nhẩm.</b></p> <p>- GV hướng dẫn mẫu.</p> <p>- Yêu cầu HS nối tiếp nhau tính nhẩm trước lớp, mỗi HS chỉ thực hiện 1 con tính.</p> <p>- Nhận xét và hỏi : Các số trong bài tập là các số ntn?</p> <p><b>◆Bài 4:</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Hướng dẫn HS phân tích bài toán và vẽ sơ đồ bài toán, sau đó viết lời giải.</p> <p>-Chấm - Chữa bài, nhận xét.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài. HS cả lớp làm bài ra giấy nháp.</p> $\begin{array}{r} 635 \\ - 214 \\ \hline 421 \end{array}$ <p>- Nhiều HS nhắc lại quy tắc.</p> <p>1/ Cả lớp làm bài, sau đó đổi vở kiểm tra chéo kết quả.</p> <p>- 6 HS nối tiếp nhau báo cáo kết quả của từng con tính trước lớp. ( cột cuối cùng HSG nêu nhanh kết quả )</p> <p>2/ Đặt tính rồi tính.</p> <p>- HS làm bảng con.</p> $\begin{array}{r} 548 \\ - 312 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 395 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$ <p>3/ - HS cùng thực hiện mẫu.</p> <p>- Tính nhẩm, sau đó ghi kết quả nhẩm vào vở.</p> <p>- Là các số tròn trăm.</p> <p>4/ - Đàn vịt có 183 con, đàn gà ít hơn đàn vịt 121 con. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con?</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải:</u></p> <p>Đàn gà có số con là: 183 – 121 = 62 (con) Đáp số: 62 con gà</p>
--	--

<p><b>4.Củng cố:</b> - Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị: Luyện tập.</p>	
---	--

Tuần : 31  
Ngày dạy: 17/4/2017

## LUYỆN TẬP

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết làm tính trừ ( không nhớ ) trong phạm vi 100; trừ có nhớ trong phạm vi 100
- Biết giải toán về ít hơn, luyện kĩ năng tính nhẩm.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Phép trừ không nhớ trong phạm vi 1000. Đặt tính và tính: 698 – 104                    ; 789 – 163 -GV nhận xét</p> <p><b>3.Bài mới :</b> <b>*Giới thiệu bài :</b> Luyện tập. <b>*Hướng dẫn làm bài tập:</b> <b>◆Bài 1: Tính</b> - Yêu cầu HS tự làm bài. Sau đó gọi HS nối tiếp nhau đọc kết quả của bài toán. - GV ghi kết quả lên bảng.</p> <p><b>◆Bài 2:</b> - Cho HS làm bảng con. - GVNX. - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc đặt tính và thực hiện tính trừ các số có 3 chữ số.</p> <p><b>◆Bài 3 :</b> - Yêu cầu HS tìm hiểu đề bài. - Chỉ bảng và cho HS đọc tên các dòng trong bảng tính: Số bị trừ, số trừ, hiệu. -Muốn tìm hiệu ta làm thế nào?  -Muốn tìm số bị trừ ta làm thế nào? -Muốn tìm số trừ ta làm thế nào? -Yêu cầu HS làm bài.  -Chữa bài .</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>1/ - HS cả lớp làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. - Mỗi HS nêu kết quả 1 phép tính lần lượt cho đến hết.</p> <p>2/ - HS làm bảng con.</p> <p>- 2 HS trả lời.</p> <p>3/ ( HS chỉ thực hiện cột 1 và 2; cột 3, 4, 5 HSG về tự tìm kết quả )</p> <p>-Muốn tìm hiệu ta lấy số bị trừ trừ đi số trừ. -Ta lấy hiệu cộng với số trừ. -Ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu. -1 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>4/ Trường Tiểu học Thành Công có</p>

<p><b>♦ Bài 4 :</b> - Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Hướng dẫn HS phân tích bài toán và vẽ sơ đồ bài toán, sau đó viết lời giải.</p> <p>-Chữa bài, nhận xét và cho điểm HS.</p> <p><b>4.Củng cố:</b> - Nhắc lại nội dung đ học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị: Luyện tập chung.</p>	<p>865 HS, Trường Tiểu học Hữu Nghị có ít hơn Trường Tiểu học Thành Công 32 HS. Hỏi Trường Tiểu học Hữu Nghị có bao nhiêu học sinh?</p> <p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt:</u></p> <p style="text-align: center;">865HS</p> <p>Thành Công /-----/-----/ 32HS</p> <p>Hữu Nghị /-----/ ? HS</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải:</u></p> <p>Trường Tiểu học Hữu Nghị có số học sinh là: <math>865 - 32 = 833</math> ( HS )</p> <p><u>Đáp số:</u> 833 học sinh.</p>
--	---

Tuần : 31  
Ngày 18/4/2017

### LUYỆN TẬP CHUNG

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100; làm tính cộng, trừ không nhớ các số có đến ba chữ số.
- Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn trăm.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> -HS làm bảng con Đặt tính và tính: a) <math>457 - 124</math> ; <math>673 + 212</math> b) <math>542 + 100</math> ; <math>264 - 153</math> c) <math>698 - 104</math> ; <math>704 + 163</math></p> <p>-Chữa bài HS.</p> <p><b>3.Bài mới :</b> <b>*Giới thiệu bài : Luyện tập chung.</b> <b>*Hướng dẫn luyện tập.</b> <b>♦ Bài 1:</b> Tính</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- Thực hiện theo y/c GV.</p> <p style="text-align: center;">1/</p>



<p>- Yêu cầu HS tự làm bài. Sau đó gọi HS nối tiếp nhau đọc kết quả của bài toán.</p> <p>- Cho HS nêu cách thực hiện phép tính cộng.</p> <p><b>* Bài 2:</b> Tính</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài. Sau đó gọi HS nối tiếp nhau đọc kết quả của bài toán.</p> <p>- Cho HS nêu cách thực hiện phép tính cộng.</p> <p><b>* Bài 3: Tính nhẩm</b></p> <p>- Cho HS nhẩm 2 phút rồi nêu kết quả bằng cách đổ bạn.</p> <p>- Theo dõi – NX.</p> <p><b>◆ Bài 4 :</b></p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Yêu cầu HS làm vở.</p> <p>- GV chấm 5 vở – NX.</p> <p>- Chữa bài, sau đó yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <p><b>◆ Bài 5 ( HS tự làm )</b></p> <p>4. Cùng cô:</p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p>5. Dặn dò :</p> <p>- Chuẩn bị : Tiền Việt Nam.</p>	<p>- HS cả lớp làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>2/</p> <p>- HS nêu kết quả nối tiếp.</p> <p>3/</p> <p>-Thực hiện theo y/ c GV.</p> <p>i. <math>+ 300 =</math>  <math>1000 - 300 =</math></p> <p><math>800 + 200 =</math>  <math>1000 - 200 =</math>  <math>500 + 500 =</math>  <math>1000 - 500 =</math></p> <p>4/ Đặt tính rồi tính.</p> <p>- 3 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- HS nhận xét.</p>
---	--

Tuần : 31

Ngày 14/4/2016

**TIỀN VIỆT NAM**

*(Chuyển dạy cùng với bài Tiền Việt Nam ở lớp 3).*

Tuần : 32

Ngày 15/4/2016

*(Không dạy)*

**LUYỆN TẬP**

Tuần : 32

Ngày 21/4/2017

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Biết cách đọc, viết, so sánh các số có ba chữ số. Phân tích số có ba chữ số theo các trăm, chục, đơn vị.

- Biết giải bài toán về nhiều hơn kèm theo đơn vị đồng.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ :</b> Luyện tập. - Yêu cầu HS lên bảng làm các bài tập sau: Đặt tính rồi tính: 345 + 234 579 - 241 - Nhận xét.</p> <p><b>3. Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn luyện tập.</b></p> <p><b>◆ Bài 1:</b> - Cho HS nêu y/ c</p> <p>- GV cùng HS thực hiện mẫu. - Yêu cầu HS tự làm bài. - Yêu cầu HS đổi vở để kiểm tra bài nhau. - GV nhận xét.</p> <p><b>◆ Bài 2 : (HS tự suy nghĩ tìm kết quả)</b></p> <p><b>◆ Bài 3 :</b> - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?</p> <p>- Hãy nêu cách so sánh các số có 3 chữ số với nhau. - Yêu cầu HS cả lớp làm bài. - Chữa bài. - Hỏi: Tại sao điền dấu &lt; vào: <math>900 + 90 + 8 &lt; 1000</math>? - Hỏi tương tự với: <math>732 = 700 + 30 + 2</math></p> <p><b>◆ Bài 4 :</b> - Yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời.</p> <p>- Vì sao em biết được điều đó?</p> <p>- Hình b đã khoanh vào một phần mấy</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- 2 HS thực hiện - HS nhận xét.</p> <p>1/ - Bài tập yêu cầu chúng ta điền số thích hợp vào ô trống. - 1 HS thực hiện mẫu. - HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ. - HS nhận xét.</p> <p>3/ - Bài tập yêu cầu chúng ta so sánh số. - 1 HS trả lời.</p> <p>- 2 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở. - Vì <math>900 + 90 + 8 = 998</math> mà <math>998 &lt; 1000</math>.</p> <p>4/ - Hình nào được khoanh vào một phần năm số hình vuông? - Hình a được khoanh vào một phần năm số hình vuông. - Vì hình a có tất cả 10 hình vuông, đã khoanh vào 2 ô hình vuông. - Hình b được khoanh vào một phần</p>

số hình vuông, vì sao con biết điều đó? <b>4.Củng cố:</b> -Yêu cầu HS ôn luyện về đọc viết số có 3 chữ số, cấu tạo số, so sánh số. <b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Luyện tập chung.	hai số hình vuông, vì hình b có tất cả 10 hình vuông, đã khoanh vào 5 hình vuông.
---	---

Tuần : 32  
 Ngày 24/4/2017

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS:

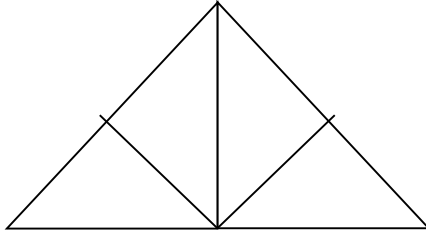
- Biết sắp xếp các số có ba chữ số. Biết cộng trừ ( không nhớ ) các số có ba chữ số.
- Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm có kèm đơn vị đo. Biết xếp hình đơn giản.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<b>1.Ôn định :</b> <b>2.Bài cũ : Luyện tập chung.</b> - Cho HS điền dấu >, < vào chỗ chấm. 897 ..... 987 136.....456 - GV nhận xét. <b>3.Bài mới :</b> <b>*Giới thiệu bài : Luyện tập chung</b> <b>*Hướng dẫn luyện tập.</b> <b>◆Bài 1( HS tự thực hiện )</b> <b>◆Bài 2 :</b> - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Đề xếp các số theo đúng thứ tự bài yêu cầu, chúng ta phải làm gì? - Yêu cầu HS làm bài. - GV nhận xét - Yêu cầu cả lớp đọc các dãy số sau khi đã xếp đúng thứ tự. <b>* Bài 3: ( bảng con )</b> - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Cho HS làm bảng con. - NX sau mỗi phép tính. - Yêu cầu HS nêu các đặt tính và thực hiện phép tính cộng, trừ với số có 3	- Ht vui  - HS ghi vào bảng con dấu cần điền.   2/ - 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. - Phải so sánh các số với nhau.  -2 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở bài tập. a) 599, 678, 857, 903, 1000 b) 1000, 903, 857, 678, 599  3/ - Bài tập yêu cầu chúng ta đặt tính rồi tính. - HS thực hiện bảng.

<p>chữ số.</p> <p><b>♦Bài 4 : Tính nhẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu yêu cầu của bài tập, sau đó yêu cầu HS tự làm bài và đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.</li> <li>- Cho HS nêu miệng nối tiếp kết quả.</li> <li>- NX.</li> </ul> <p><b>♦Bài 5 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập yêu cầu xếp 4 hình tam giác nhỏ thành 1 hình tam giác to như hình vẽ.</li> <li>- Theo dõi HS làm bài và tuyên dương những HS xếp hình tốt.</li> </ul> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại nội dung bi học</li> </ul> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chuẩn bị : Luyện tập chung.</li> </ul>	$\begin{array}{r} 635 \\ + 241 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 970 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 896 \\ - 133 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 295 \\ - 105 \\ \hline \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc lại bài làm.</li> <li>- 2 HS trả lời.</li> </ul> <p>4/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-HS nêu y/c BT.</li> <li>-HS nhẩm và ghi kết quả.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nêu kết quả.</li> <li>- NX.</li> </ul> <p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS suy nghĩ và tự xếp hình.</li> </ul> 
---	---